

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HS-ST
Ngày 16-3- 2023

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công – Cán bộ hưu trí;
2. Ông Hồ Tấn Tài – Hiệu trưởng trường Tiểu học Phan Chu Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 51/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Lâm Ngọc T, sinh ngày 13/7/2004 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn L (không rõ năm sinh) và bà Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Ông Lâm Văn L và bà Phạm Thị Ngọc C (là cha, mẹ bị cáo), nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Bà C có mặt, vắng mặt ông L.

2. V Đình H, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1993 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 2B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V Đình B, sinh năm 1970 và bà V Thị B, sinh năm 1969; có vợ Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1994 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 57/2012/HSST ngày 16/02/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 08/6/2012; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022. Có mặt.

3. Lê Văn H, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1997 tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp 8, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nơi tạm trú: Ô 30, DC 71, đường NA7, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1975 và bà Thái Thị Kim Q, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022. Có mặt

4. Đào Xuân A, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1993 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 6, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Thu (không rõ năm sinh) và bà Văn Thị H; có vợ Võ Thị D, sinh năm 1996 và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022. Có mặt

5. Hồ Văn T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 1993 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm 6, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Á, sinh 1968 và Võ Thị Á, sinh năm 1970; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1995 và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022. Có mặt

6. Lê Thị Huyền T, sinh ngày 03/11/2005 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp Hòa, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng V, sinh năm 1976 và bà Ngô Thị Cẩm T, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022. Có mặt

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1976 và bà Ngô Thị Cẩm T, sinh năm 1977 (là cha, mẹ bị cáo), nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên lạc: 203 đường 34, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Mỹ P - Là Luật sư Văn phòng Luật sư Mỹ P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương là người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Huyền T.

7. L Thị Mỹ L, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2001 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: 60/02 ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L Văn V, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị Mướt (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2022. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lê Trọng H, sinh năm: 1994; nơi cư trú: Số 29A, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Lê Thị D, sinh năm 1997. Vắng mặt.
2. Trần Văn V, sinh năm 1988. Vắng mặt.

3. Phạm Hoàng A K, sinh năm 2004. Vắng mặt.
4. Nguyễn V L, sinh năm 1994. Vắng mặt.
5. Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 2002. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 05 giờ 00 phút ngày 09/01/2022, tổ công tác của Công an thành phố Thuận An gồm lực lượng Cảnh sát quản L hành chính về trật tự xã hội và Đội CSĐT tội phạm về Kinh tế-Ma túy tiến hành kiểm tra hành chính căn nhà địa chỉ: Ô 30, DC71, đường NA 7, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình kiểm tra phát hiện trong phòng bên trái (hướng cầu thang lên) tại lầu 01 có các đối tượng gồm: Lê Thị D, Trần Văn V, Phạm Hoàng A K, Nguyễn V L, Nguyễn Thị Ngọc N, Đào Xuân A, Hồ Văn T, Lê Thị Huyền T và L Thị Mỹ L có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy (nhạc mở lớn, hệ thống đèn nháy phục vụ việc bay lắc vẫn đang hoạt động). Quá trình kiểm tra phát hiện trên kệ bên pH phòng (hướng từ cửa chính đi vào) có 01 một đĩa sứ màu trắng bên trên có một ít chất bột màu trắng (M3), 01 một thẻ nhựa in chữ “Viettel 4G”, 01 đoạn ống hút cuộn tròn bằng tờ tiền polime mệnh giá 50.000đồng. Đồng thời lúc này, L Thị Mỹ L lấy từ trong giỏ xách màu đen của L ra 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất rắn màu hồng (M2), L khai nhận là thuốc lắc; Nguyễn V L lấy từ trong túi quần bên pH phía trước L đang mặc ra 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất bột màu trắng (M1) giao nộp cho Cơ quan Công an và khai nhận là ma túy khay. Lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản, thu giữ vật chứng, đưa các đối tượng về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất màu trắng (M1) thu giữ của Nguyễn V L; 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất màu hồng (M2) thu giữ của L Thị Mỹ L; 01 ít chất bột màu trắng (M3) thu giữ trên đĩa sứ màu trắng trong phòng; 01 thẻ nhựa; 01 đoạn ống hút cuộn tròn bằng tờ polyme mệnh giá 50.000 đồng; 01 cuốn sổ (loại tập học sinh); 01 sổ hóa đơn; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 (một) túi đeo màu đen; 01 (một) cặp loa màu đen có nhãn hiệu JBL model 306PMKII; 01 (một) đèn cH Laser Show System MP7979.V9 màu đen; 01 (một) đèn cH Laser màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn cH màu đen không có nhãn hiệu (có đèn cầu lồi); số tiền 3.000.000đồng; 01 điện thoại di động samsung màu đen; 01 điện thoại di động iphone 6 plus màu trắng và 01 điện thoại di động iphone 12 promax màu xA.

Quá trình điều tra xác định: Phạm Lâm Ngọc T và V Đình H hợp đồng thuê căn nhà có địa chỉ như trên của ông Lê Trọng H với giá 15.000.000đồng/tháng thời điểm thuê từ tháng 12/2021. Sau khi thuê, H và T mua các trang thiết bị gồm nút cách âm, loa, đèn nháy trang bị cho 02 phòng tại tầng 1 căn nhà trên để cho khách đến thuê nghe nhạc và sử dụng trái phép chất ma túy. H có Nệm vụ liên hệ với khách, nhận khách, hướng dẫn khách tới thuê phòng, nhận tiền của khách sau đó giao lại cho T quản L tiền, thu chi ăn uống và sinh hoạt hàng ngày. H và T còn thuê thêm Lê Văn H phụ việc và trả tiền lương 5.000.000đồng/tháng, H có Nệm vụ phụ

dọn dẹp vệ sinh phòng, dẫn khách lên phòng nghe nhạc, bay lắc sử dụng trái phép chất ma túy và cA chừng lực lượng Công an kiểm tra. Quá trình điều tra xác định, H biết H và T sử dụng căn nhà nêu trên cho các đối tượng thuê nghe nhạc và sử dụng trái phép chất ma túy để kiếm tiền.

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 09/01/2022, Đào Xuân A và Hồ Văn T rủ L Thị Mỹ L, Lê Thị Huyền T, Nguyễn Thị Ngọc N và Nguyễn V L cùng đi nghe nhạc và sử dụng ma túy thì tất cả đồng ý (L nhắn tin rủ thêm bạn là Phạm Hoàng A K).

Trước khi đi T mang theo ma túy trong người để cho cả nhóm sử dụng. Nguồn gốc số ma túy này do T và Xuân A góp tiền mua chung để sử dụng trước đó khoảng 10 ngày từ một nam thA niên (không xác định được nhân thân, lai lịch và đặc điểm nhận dạng) tại khu vực trước quán Karaoke Moon, thuộc phường An Phú thành phố Thuận An. Lúc này, Xuân A liên hệ với một nam thA niên tên “Lợi” qua mạng xã hội Zalo để thuê phòng bay lắc và đã trả số tiền 3.500.000đồng cho “Lợi” sau đó “Lợi” đưa cả nhóm tới căn nhà địa chỉ: Ô 30, DC71, đường NA7, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An. Khi tới đây, H ra mở cửa và dẫn cả nhóm nhận phòng, “Lợi” đưa cho H số tiền 3.000.000đồng trong tổng số tiền 3.500.000đồng mà “Lợi” nhận từ Xuân A. H nhận tiền và đưa số tiền này cho T quản L, sử dụng.

Sau khi nhận phòng, T đưa số ma túy mang theo trong người cho T. T có Nệm vụ đổ ma túy ra đĩa, tán nhỏ (xào) cho cả nhóm cùng sử dụng. Quá trình nghe nhạc và sử dụng ma túy L Thị Mỹ L nhặt dưới sàn nhà trong phòng nghe nhạc 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất màu hồng (M2), L biết đây là ma túy nên cất giấu vào giỏ sách của mình nhằm mục đích sử dụng riêng. Đến khoảng 04 giờ 00 cùng ngày Lê Thị D và Trần Văn V (cũng là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy và nghe nhạc) tại căn phòng bên cạnh được nhóm của Đào Xuân A, Hồ Văn T rủ qua nghe nhạc cùng, mặc dù không quen biết nhưng D và V đồng ý cùng tham gia. Đến khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thành phố Thuận An kiểm tra phát hiện bắt giữ như đã nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số 71/MT-PC09 ngày 17/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định:

Mẫu chất màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng/trọng lượng: 0,3242 gam (M1); 0,1364 gam (M3), loại Ketamine.

Mẫu chất màu hồng gửi giám định là ma túy, có khối lượng/trọng lượng: 0,2692 gam (M2) loại MDMA.

Quá trình điều tra, có căn cứ xác định từ ngày 26/12/2021 đến khi bị bắt (ngày 09/01/2022) các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H và Lê Văn H đã Nều lần (09 lần) dùng 02 căn phòng tại căn nhà địa chỉ trên để chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, qua đó thu lợi bất chính số tiền 50.300.000 đồng (số lần và số tiền cụ thể được ghi chép trong sổ hóa đơn và tập vở học sinh do bị cáo T quản L).

Đối với đối tượng tên “Thủy”, quá trình điều tra bổ sung xác định Thủy có nhân thân, lai lịch là Trần Thị Thủy, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp Chợ, xã Lưu

Nghiệp A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được (các lời khai, biên bản nhận dạng của bị cáo T, H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Trọng H.), Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thuận An đã khởi tố bị can, ban hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Thị Thủy. Đến ngày 18/01/2023, thời hạn điều tra vụ án đã hết mà không xác định được bị can Thủy đang ở đâu do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đồng thời truy nã bị can đối với Trần Thị Thủy.

Cáo trạng số 248/CT-VKS-TA ngày 15/8/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H và Lê Văn H về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đào Xuân A, Hồ Văn T và Lê Thị Huyền T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo L Thị Mỹ L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó bị cáo H có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án có thẩm quyền xét xử, bị cáo H là đồng phạm giúp sức cho H và T trong việc chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo A là người tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo T, bị cáo T là đồng phạm giúp sức; về T tiết tăng nặng trách Nệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có T tiết tăng nặng trách Nệm hình sự; về T tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T và Lê Thị Huyền T khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi khi quyết định hình phạt

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng và xử phạt:

- Các điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo V Đình H.

- Các điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47 Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Lê Văn H.

- Các điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Phạm Lâm Ngọc T.

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Đào Xuân A.

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Hồ Văn T.

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Lê Thị Huyền T.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo L Thị Mỹ L.

Xử phạt bị cáo Phạm Lâm Ngọc T mức án từ 6 (sáu) năm 03 (ba) tháng đến 6 (sáu) năm 9 (chín) tháng tù.

Xử phạt bị cáo V Đình H mức án từ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng đến 10 (mười) năm tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Đào Xuân A mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Huyền T mức án từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù.

Xử phạt bị cáo L Thị Mỹ L mức án từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử L vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu huỷ: 03 (ba) bì thư niêm phong ghi vụ số 71M1/PC09, 71M2/PC09, 71M3/PC09 mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương; 01 (một) thẻ nhựa; 01 (một) túi đeo màu đen; 01 (một) đĩa sứ màu trắng.

Đề nghị tịch thu, sung quỹ nhà nước: 01 (một) cặp loa màu đen có nhãn hiệu JBL model 306PMKII; 01 (một) đèn cH Laser Show System MP7979.V9 màu đen; 01 (một) đèn cH Laser màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn cH màu đen không có nhãn hiệu (có đèn cầu lồi); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xA của bị cáo Đào Xuân A; 01 điện thoại di động Samsung màu đen của bị cáo V Đình H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng của bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, cùng số tiền 3.000.000đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy thu giữ của bị cáo Phạm Lâm Ngọc T và 50.000đồng các bị cáo cuộn tròn thành hình dạng ống hút để phục vụ việc sử dụng trái phép chất ma túy (đã bị hư hỏng).

Về các biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H và Lê Văn H liên đới nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính 47.300.000 đồng (đã khấu trừ 3.000.000 đồng thu giữ trong quá trình bắt giữ).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Huyền T, Luật sư Trần Mỹ P trình bày: Thống nhất về tội dA và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người chưa thành niên, nhận thức hạn chế. Việc bị cáo phạm tội là do bị người khác xúi dục, bị cáo phạm tội với vai trò là người giúp sức nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo T.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T, ông Lê Hoàng V và bà Ngô Thị Cẩm T trình bày: Thống nhất về tội dA và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người chưa thành niên, nhận thức hạn chế. Ông V và bà T mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo T để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T, bà Phạm Thị Ngọc C trình bày: Bà C là mẹ ruột của bị cáo T, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Lời nói sau cùng các bị cáo đã ăn năn hối cải nên xin được giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với các T tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/12/2021 đến ngày 09/01/2022 tại căn nhà địa chỉ: Ô30, DC71, đường NA 7, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do bị cáo Phạm Lâm Ngọc T thuê của ông Lê Trọng H để ở. Bị cáo V Đình H, T đã tự lắp đặt tám cách âm dán trong các phòng ngủ, chuẩn bị loa âm thA, đèn cH sáng laser cùng với sự giúp sức của Lê Văn H đã Nều lần (chín lần) chứa chấp cho các đối tượng khác sử dụng ma túy trong các phòng này.

Vào đêm ngày 08/01/2022 đến sáng ngày 09/01/2022, bị cáo Đào Xuân A thuê phòng của T, H và cùng Hồ Văn T chuẩn bị ma túy và cùng Nguyễn V L, Nguyễn Thị Ngọc N, Lê Thị Huyền T, L Thị Mỹ L sử dụng trái phép chất ma túy. Khi Đào Xuân A, Hồ Văn T, Lê Thị Huyền T, Lê Thị D, Trần Văn V, Nguyễn V L, Nguyễn Thị Ngọc N và L Thị Mỹ L đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Cơ quan Công an bắt phạm tội quả tang và thu giữ cùng tang vật; bị cáo Lê Thị Huyền T giúp A, T tán nhỏ ma túy để cả nhóm cùng sử dụng; bị cáo L Thị Mỹ L có hành vi tàng trữ một gói ma túy để sử dụng riêng.

Tại bản kết luận giám định số 71/MT-PC09 ngày 17/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định:

Mẫu chất màu trắng gửi giám định có khối lượng/trọng lượng: 0,1364 gam (M3) để trong đĩa thu giữ khi khám xét là ma túy, loại Ketamine.

Mẫu chất màu trắng gửi giám định có khối lượng/trọng lượng: 0,3242 gam (M1) (thu giữ của Nguyễn V L) là ma túy, loại Ketamine.

Mẫu chất màu hồng gửi giám định có khối lượng/trọng lượng: 0,2692 gam (M2) (thu giữ của L Thị Mỹ L) là ma túy, loại MDMA.

Hành vi của các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H và Lê Văn H đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Đào Xuân A, Hồ Văn T và Lê Thị Huyền T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo L Thị Mỹ L đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H và Lê Văn H về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 256; truy tố các bị cáo Đào Xuân A, Hồ Văn T và Lê Thị Huyền T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255; truy tố bị cáo L Thị Mỹ L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện.

Lời trình của người bào chữa cho bị cáo T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản L của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây ra sự nghiện ngập và mòm mẫm của các tệ nạn xã hội khác nhưng vì muốn có ma túy sử dụng và hưởng lợi từ việc chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội các bị cáo đã thực hiện có xem xét đến T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, về cá thể hóa hình phạt: Đối với tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo H có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án có thẩm quyền đưa ra xét xử nhưng không lấy đó bài học mà lại có hành vi hùn hạp với bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H là

đồng phạm với vai trò là người giúp sức nên tính chất nguy hiểm cho xã hội của bị cáo H thấp hơn bị cáo H, bị cáo T.

Đối với nhóm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo A là người rủ rê, thuê địa điểm sử dụng ma túy và cùng bị cáo T chuẩn bị ma túy cho những người khác sử dụng nên tính chất nguy hiểm cho xã hội của bị cáo A và T là ngang nhau, bị cáo T là đồng phạm giúp sức với vai trò không đáng kể.

[5] Về T tiết tăng nặng trách Nệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có T tiết tăng nặng trách Nệm hình sự.

[6] Về T tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng T tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm T tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, Lê Thị Huyền T khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên áp dụng quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi khi quyết định hình phạt.

[8] Đối với Nguyễn V L có hành vi tàng trữ trái phép 0,3242 gam ma túy loại Ketamine, do khối lượng ma túy không đủ định lượng cấu thành tội phạm Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự nên Công an thành phố Thuận An đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Vũ L về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Đối với Trần Văn V, Lê Thị D, Nguyễn Thị Ngọc N không tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không biết việc L Thị Mỹ L tàng trữ trái phép chất ma túy trong giỏ sách nên không đề cập xử L trách Nệm hình sự. Tuy Nền các đối tượng này có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an thành phố Thuận An đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định.

Đối với Phạm Hoàng A K có mặt cùng các bị cáo khi bị kiểm tra bắt giữ, K không tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không biết việc L Thị Mỹ L tàng trữ trái phép chất ma túy trong giỏ sách, đồng thời K không sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Công an thành phố Thuận An không đề cập xử L.

Đối với ông Lê Trọng H là chủ sở hữu căn nhà địa chỉ: Ô 30, DC71, đường NA7, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, ông H cho T thuê nhà, tuy Nền ông H không biết việc các bị cáo dùng căn nhà của mình vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thuận An không đề cập xử L.

Đối với người thA niên bán ma túy cho T và Xuân A tại khu vực trước quán Karaoke Moon, thuộc phường An Phú, thành phố Thuận An. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thuận An đã tiến hành xác minh nhưng do không đủ thông tin nhân thân, địa chỉ nên chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thuận An tiếp tục điều tra, xác minh khi có căn cứ sẽ xử L sau.

Đối với đối tượng tên “Lợi” là người trung gian dẫn khách tới thuê phòng để bay lắc, sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thuận An đã tiến hành xác minh nhưng chưa có kết quả nên sẽ xử L sau khi có căn cứ.

Đối với đối tượng tên “Thủy”, quá trình điều tra bổ sung xác định Thủy có nhân thân, lai lịch là Trần thị Thủy, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thuận An đã khởi tố bị can, ban hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Thị Thủy và tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đồng thời ra Quyết định truy nã số 08/QĐTN-KTMT ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối với bị can Trần Thị Thủy.

[9] Về các biện pháp tư pháp: Số tiền 47.300.000 đồng mà các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H và Lê Văn H thu được từ hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nên buộc các bị cáo pH nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về xử L vật chứng:

Đối với 01 cuốn sổ (loại tập học sinh); 01 sổ hóa đơn là sổ sách ghi chép thu, chi của các bị cáo T, H trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với số ma túy đựng trong 03 (ba) bì thư niêm phong ghi vụ số 71M1/PC09, 71M2/PC09, 71M3/PC09 mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương; 01 (một) thẻ nhựa; 01 (một) túi đeo màu đen; 01 (một) đĩa sứ màu trắng là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) cặp loa màu đen có nhãn hiệu JBL model 306PMKII; 01 (một) đèn cH Laser Show System MP7979.V9 màu đen; 01 (một) đèn cH Laser màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn cH màu đen không có nhãn hiệu (có đèn cầu lồi) thu giữ khi khám xét; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xA thu giữ của Đào Xuân A; 01 điện thoại di động Samsung màu đen thu giữ của V Đình H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng thu giữ của Phạm Lâm Ngọc T; số tiền 3.000.000 đồng và 50.000 đồng các bị cáo cuộn tròn thành hình dạng ống hút để phục vụ việc sử dụng trái phép chất ma túy (đã bị hư hỏng), xét các tài sản này liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo V Đình H.

- Các điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47 Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Lê Văn H.

- Các điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Phạm Lâm Ngọc T.

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Đào Xuân A.

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Hồ Văn T.

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Lê Thị Huyền T.

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo L Thị Mỹ L.

- Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về trách Nệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H và Lê Văn H phạm tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Tuyên bố bị cáo Đào Xuân A, Hồ Văn T và Lê Thị Huyền T phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tuyên bố bị cáo L Thị Mỹ L phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Phạm Lâm Ngọc T 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2022.

Xử phạt bị cáo V Đình H 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2022.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2022.

Xử phạt bị cáo Đào Xuân A 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2022.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2022.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Huyền T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2022.

Xử phạt bị cáo L Thị Mỹ L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2022.

2. Về xử L vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (hai) bì thư niêm phong ghi vụ số 71/PC09 -M1, 71/PC09-M2 (mẫu vật hoàn lại sau giám định) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Bên ngoài có chữ ký của người chứng kiến (Nguyễn V L, Phạm Lâm Ngọc T, L Thị Mỹ L), chữ ký bên nhận Nguyễn Viết Trung, chữ ký bên trả Nhan Thái Hiền và hình dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương (kèm theo Kết luận giám định số 71 đề ngày 17/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương).

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi vụ số 71/PC09 -M3 (mẫu vật hoàn lại sau giám định) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Bên ngoài có chữ ký của người chứng kiến (Phạm Lâm Ngọc T, Đào Xuân A, Nguyễn V L, L Thị Mỹ L, Lê Thị Diễm, Lê Thị Huyền T, Nguyễn Thị Ngọc N, Trần Văn V, Hồ Văn T, Phạm Hoàng A K), chữ ký bên nhận Nguyễn Viết Trung, chữ ký bên trả Nhan Thái Hiền và hình dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương (kèm theo Kết luận giám định số 71 đề ngày 17/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương).

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu đỏ in chữ viettel; 01 (một) túi đeo màu đen .

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) cặp loa màu đen có nhãn hiệu JBL model 306PMKII; 01 (một) đèn cH Laser Show System MP7979.V9 màu đen; 01 (một) đèn cH Laser màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 (một) đèn cH màu đen không có nhãn hiệu (có đèn cầu lồi); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xA không kiểm tra được sim và Imei, không kiểm tra T trạng bên trong máy; 01 điện thoại di động Samsung màu đen không kiểm tra được số sim và Imei, không kiểm tra T trạng bên trong máy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu trắng không kiểm tra được sim và Imei, không kiểm tra T trạng bên trong máy; số tiền 3.000.000 đồng và 50.000 đồng (đã bị hư hỏng);

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 8 năm 2022 và ủy Nệm chi ngày 10/8/2022)

3. Về các biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H và Lê Văn H pH nộp lại số tiền 47.300.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Lâm Ngọc T, V Đình H, Lê Văn H, Đào Xuân A, Hồ Văn T, Lê Thị Huyền T và L Thị Mỹ L mỗi người pH chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THA thành phố Thuận An;
- CQCSĐT Công an thành phố Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Thuận An;
- Bị cáo;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu